

Số: 12747 /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 4, Điều 6 và điểm a, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Nghị định số 27/2023/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023 thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Nghị định số 164/2016/NĐ-CP); HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2017) bằng mức thu tối đa theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Quá trình thực hiện các mức thu tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh được triển khai ổn định từ ngày 01/8/2017 đến nay.

Ngày 31/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP về quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Nghị định số 27/2023/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023 thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Theo đó, quy định như sau:

- Tại khoản 4, Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định: “Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.”.

- Tại điểm a, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này.”

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để thay thế quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND là cần thiết, đảm bảo đúng và phù hợp với các quy định hiện hành.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết:

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm quy định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Thực hiện cụ thể hóa về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh yêu cầu phải đảm bảo tính thống nhất, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Nghị quyết xây dựng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật ngân sách nhà nước; Luật Khoáng sản năm 2010; Luật Phí và lệ phí năm 2015, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định dưới Luật; Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Việc xác định mức thu phí theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ, tình hình thực tế địa phương và đảm bảo tính tương quan với mức thu phí của các tỉnh lân cận; đề án mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 02/7/2024.

III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

IV. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Thực hiện theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; UBND tỉnh đã có các công văn số 6275/UBND-KT ngày 27/6/2023 và công văn số 8755/UBND-KT ngày 29/8/2023 chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Cơ quan Thuế xây dựng Đề án quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Đến tháng 06/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn tất Đề án gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (chi tiết đính kèm Đề án).

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại công văn số 372/HĐND-VP ngày 30/7/2024 về việc đồng ý chủ trương xây dựng Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh đã có công văn số 8590/UBND-KT ngày 05/8/2024 giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Dự thảo Tờ trình và Nghị quyết đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đến thời điểm tổng hợp có 21/21 ý kiến thống nhất bằng văn bản và không có ý kiến góp ý từ Cổng Thông tin điện tử tỉnh. Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 238/BC-STP ngày 18/10/2024 thẩm định đề hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. Bộ cục và nội dung chính của Nghị quyết.

1. Bộ cục Nghị quyết:

Nghị quyết gồm 03 điều như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản
- Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Tên phí: mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

2.2. Dự kiến đề xuất mức thu phí

Thực hiện theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 để làm cơ sở xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh.

Trên tinh thần của Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023; theo đó, mức phí đối với sỏi, cuội, sạn, cát, đất sét, đá làm vật liệu xây dựng; đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng được điều chỉnh tăng với mức tăng tối đa 50% để hạn chế khai thác manh mún, nhỏ lẻ, khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; hạn chế ảnh hưởng đến giá vật liệu xây dựng làm ảnh hưởng đến các dự án đầu tư hạ tầng. Do đó, UBND tỉnh đề xuất mức thu tại Nghị quyết bằng mức tối đa theo khung mức phí quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; mức thu tại dự thảo Nghị quyết cơ bản bằng mức thu hiện hữu tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh, chỉ tăng đối với mức thu phí các loại khoáng sản sỏi, cuội, sạn, cát, đất sét, đá làm vật liệu xây dựng theo đúng tinh thần Bộ Tài chính.

Mức thu từng loại khoáng sản chi tiết (bao gồm cả trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản nhưng thu được khoáng sản) và so sánh mức thu Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND tỉnh theo phụ lục đính kèm.

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Biểu khung mức thu phí tại Nghị quyết này.

Các nội dung khác về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính trình HĐND tỉnh Khánh Hòa xem xét, thông qua./. (Kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Báo cáo số 238/BC-STP ngày 18/10/2024 của Sở Tư pháp)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TL, HL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng

Số: /2024/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA...KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 năm 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

1. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (bao gồm cả trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản nhưng thu được khoáng sản):

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m^3 khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	60.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	50.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	70.000
4	Quặng vàng	Tấn	270.000
5	Quặng đất hiếm	Tấn	60.000
6	Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	270.000
7	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	50.000
8	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	270.000
9	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	30.000
10	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	60.000
11	Quặng cô-ban (coban), quặng mô-lip-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	270.000
12	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	60.000
13	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi		-
2.1	Sỏi	m ³	9.000
2.2	Đá		
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	90.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.750
4	Đá làm fluorit	m ³	4.500
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	70.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	7.500
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	70.000
7	Cát vàng	m ³	7.500
8	Cát trắng	m ³	10.500
9	Các loại cát khác	m ³	6.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
11	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	45.000
13	Cao lanh	Tấn	5.800
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
15	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	30.000

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	5.000
17	Séc-păng-tin (secpentin)	Tấn	5.000
18	Than gồm: - Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò - Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên - Than nâu, than mỡ - Than khác	Tấn	10.000
19	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire) E-mô-rôt (emerald), A-lêch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz) Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)	Tấn	70.000
20	Cuội, sạn	m ³	9.000
21	Đất làm thạch cao	m ³	3.000
22	Các loại đất khác	m ³	2.000
23	Talc, diatomit	Tấn	30.000
24	Graphit, sericit	Tấn	5.000
25	Phen - sờ - phát (felspat)	Tấn	4.600
26	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
27	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Biểu khung mức thu phí tại Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà Khoá ...Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND, TT. UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- Cục thuế tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản);
- Đài Phát thanh-Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Qua xem xét hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (viết tắt là **dự thảo Nghị quyết**) gửi kèm Công văn số 4933/STC-TCHCSN ngày 01/10/2024 của Sở Tài chính; Sở Tư pháp ý kiến như sau:

I. Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; ngày 06/7/2017, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 31/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP về quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023 (**thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP**); theo đó quy định:

- Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, quy định: “Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, **Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.**”

- Tại điểm a Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, quy định: “**Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.**”

Như vậy, việc Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành dự thảo Nghị quyết (**thay thế Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND**) là nhằm quy định chi tiết, điều khoản được giao theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹; đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

¹ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”

II. Về quy trình xây dựng văn bản

1. Về quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Ngày 05/7/2024, UBND tỉnh có Tờ trình số 17369/TTr-UBND gửi Thường trực HĐND tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết. Qua xem xét đề nghị của UBND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có văn bản số 372/HĐND-VP ngày 30/7/2024 đồng ý chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Căn cứ ý kiến nêu trên của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã có công văn số 8590/UBND-KT ngày 05/8/2024 giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã soạn thảo dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương; đồng thời, đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo nghị quyết lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (từ ngày 14/8/2024 đến ngày 14/9/2024²).

Hết thời gian lấy ý kiến góp ý theo quy định; Sở Tài chính đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Như vậy, Sở Tài Chính đã thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết theo Luật định.

2. Về hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh

Đề nghị Sở Tài chính sửa đổi, bổ sung như sau:

- Phần trích yếu nội dung dự thảo Tờ trình, đề nghị sửa đổi như sau: “Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu...” để đảm bảo chính xác tên gọi dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị bổ sung nội dung cụ thể của khoản 4 Điều 6 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP tại đoạn: “Ngày 31/5/2023, Chính phủ ban hành....thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP”, vì quy định này là nội dung giao HĐND tỉnh quy định chi tiết.

+ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023, nhưng đến nay Sở Tài chính mới tham mưu UBND trình HĐND ban hành dự thảo Nghị quyết; do đó, **đề nghị bổ sung giải trình về nội dung này trong dự thảo Tờ trình.**

b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

² văn bản số 4103/STC-TCHCSN ngày 14/8/2024

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa tổng hợp ý kiến từ Công Thông tin điện tử tỉnh. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung việc tổng hợp ý kiến từ Công Thông tin điện tử tỉnh (*kể cả khi không có ý kiến góp ý*).

III. Về dự thảo nghị quyết

1. Thể thức và kỹ thuật trình bày

a) Phần căn cứ

- Đề nghị bổ sung các căn cứ sau đây vào dưới căn cứ thứ 2:
- + Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

b) Phần nơi nhận

Đề nghị Sở Tài chính điều chỉnh:

- “*Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL)*” thành “*Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp*”;
- “*VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh*” thành “*Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh*”;
- “*VP UBND tỉnh*” thành “*Văn phòng UBND tỉnh*”;

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Thực hiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí³, và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 6275/UBND-KT ngày 27/6/2023:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (**sở quản lý chuyên ngành**) chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh xây dựng Đề án quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (*gọi tắt là dự thảo Đề án*)

- Sở Tài chính đã thẩm định dự thảo Đề án và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 02/07/2024 phê duyệt Đề án quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh⁴ (*sau đây viết tắt là Quyết định số 1723/QĐ-UBND*).

³ 1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo sở quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng đề án (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

b) Đề án thu phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu phí; miễn, giảm phí; dự toán thu, chi; tỷ lệ để lại; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí; hiệu quả thu phí.

....

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

⁴ Do Sở Tài nguyên và Môi trường (sở quản lý chuyên ngành) chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh xây dựng

Do đó, đối với nội dung tại dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1723/QĐ-UBND, bao gồm: mức thu phí, đơn vị tính phí; Sở Tư pháp sẽ không thẩm định lại vì thuộc trách nhiệm của cơ quan Sở Tài chính.

Theo đó, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với các nội dung khác của dự thảo Nghị quyết như sau:

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xem xét bổ sung quy định sau:

Các trường hợp được miễn phí theo hướng viện dẫn đến quy định tại Điều 5 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP (nội dung tại khoản 4 mục II Quyết định số 1723/QĐ-UBND).

b) Tại Điều 3

- Khoản 2

+ Đề nghị Sở Tài chính tách đoạn: “*thay thế Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND...trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*” lên thành **khoản 1** của Điều này. Theo đó, bổ cục lại **khoản 1 và khoản 2** lần lượt thành **khoản 2 và khoản 3**. (Đề đảm bảo đoạn cuối: “*Nghị quyết này đã được...kể từ ngày....*” đúng mẫu 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁵).

+ Cơ quan soạn thảo (Sở Tài chính) cần lưu ý: tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết đảm bảo thời điểm có hiệu lực của nghị quyết **không sớm hơn 10 ngày**, kể từ ngày thông qua (theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi theo khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)).

Sở Tư pháp chuyển Sở Tài chính nghiên cứu, sử dụng theo thẩm quyền/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NV1 (U).

GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)

Lý Nguyễn Nguyên Vũ

⁵ Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, được thay thế bởi Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo